TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2024/KDTM-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Khanh;

2. Bà Trần Thị Kim Anh.

- *Thư ký phiên tòa*: bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2024/QĐST-KDTM ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V; Địa chỉ: số yy đường S, Phường T, Quận E, Thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: bà Châu N Q, sinh năm 19xx (Giấy ủy quyền ngày 01/3/2024 – bà Q có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ; Địa chỉ: số qqq đường B, phường A, Quận B, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng B L, sinh năm 19xx; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 27/9/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V (sau đây gọi tắt là bên A hoặc nguyên đơn) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ (sau đây gọi tắt là bên B hoặc bị đơn) đã ký hợp đồng mua bán số VSL202109-15 về việc mua bán 01 bộ máy cắt rập giấy với

tổng giá trị của hợp đồng là 314,187,500 đồng với phương thức thanh toán như sau:

- Sau khi ký hợp đồng bên B thanh toán số tiền cọc là 125,787,500 đồng.

- Số tiền còn lại của hợp đồng là 188,400,000 đồng bên B sẽ thanh toán sau khi bên A bàn giao máy, lắp ráp, vận hành, nghiệm thu và xuất hóa đơn cho bên B. Bên B sẽ thanh toán số tiền 188,400,000 đồng làm 06 đợt, mỗi đợt thanh toán 31,400,000 đồng và cách nhau 30 ngày. Đợt thanh toán lần đầu vào ngày 15/11/2021, đợt thanh toán cuối cùng là ngày 15/4/2022.

Thực hiện hợp đồng, bên A đã lắp ráp bàn giao máy cho bên B vào ngày 15/10/2021 và hai bên đã có Biên bản nghiệm thu máy vào ngày 18/10/2021.

Tuy nhiên cho đến ngày 12/6/2023 bên B mới chỉ thanh toán cho bên A được tổng số tiền là 212,187,500 đồng và còn nợ lại số tiền là 102,000,000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 102,000,000 đồng.

- Tiền lãi tính trên số nợ gốc từ sau ngày bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán đợt cuối cùng (ngày 15/4/2022), tiền lãi tính từ ngày 18/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2024) là 893 ngày với mức lãi suất 12%/năm tương ứng số tiền: (102,000,000 đồng x 893 ngày x 12%)/365 ngày = 29,946,000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 27/9/2024 là: 102,000,000 đồng + 29,946,000 đồng = 131,946,000 đồng.

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* nguyên đơn đã bán hàng cho bị đơn theo Hợp đồng mua bán số VSL202109-15 ngày 27/9/2021, với tổng giá trị của hợp đồng là 314,187,500 đồng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định trong hợp đồng nhưng bị đơn mới chỉ thanh toán được 212,187,500 đồng, còn nợ lại 102,000,000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán quy định trong hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc phải trả các khoản nợ gốc và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại phát sinh từ Hợp đồng mua bán số VSL202109-15 ngày 27/9/2021 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ (sau đây gọi là bị đơn).

[1. 2] Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại số số qqq đường B, phường A, Quận B, Thành phố H, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng mua bán số VSL202109-15 ngày 27/9/2021, thấy rằng: nguyên đơn và bị đơn là hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh, thỏa thuận ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3. 1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc 102,000,000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là Hợp đồng mua bán số VSL202109-15 ngày 27/9/2021, Biên bản giao máy ngày 15/10/2021, Biên bản nghiệm thu máy ngày 18/10/2021, Sao kê tài khoản và các Phiếu thu,... cho thấy bị đơn có mua của nguyên đơn 01 bộ máy cắt rập giấy với giá là 314,187,500 đồng và đã thanh toán được 212,187,500 đồng, còn nợ lại 102,000,000 đồng. Theo thỏa thuận của hai bên thì ngày 15/4/2022 bị đơn phải

thanh toán xong toàn bộ giá trị của hợp đồng cho nguyên đơn, đến nay đã quá thời hạn thanh toán mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hàng còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3. 2] Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 12%/năm tính trên số tiền bị đơn chưa thanh toán. Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại năm 2005: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng thì đến ngày 15/4/2022 bị đơn phải thanh toán xong toàn bộ tiền hàng của hợp đồng. Theo bản sao kê tài khoản và các phiếu thu mà nguyên đơn giao nộp, tính đến ngày 15/4/2022, bị đơn thanh toán được 197,187,500 đồng và còn nợ lại 117,000,000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 18/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền 102,000,000 đồng là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Theo xác minh của tòa án về lãi suất cho vay trung dài hạn phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh B ngày 03/5/2024 là 09%/năm; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh B ngày 07/5/2024 thì lãi suất là 09%/năm; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh B ngày 08/5/2024 lãi suất là 11.3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, như vậy: lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: (9 + 9 + 11.3)/3*150% = 14.65%/năm, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 12%/năm là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 thì bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành án xong với lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản

xuất Thương mại Đ phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V các khoản sau đây:

- Nợ gốc là: 102,000,000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 18/4/2022 đến ngày 27/9/2024 là: 29,946,000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 27/9/2024 là: 102,000,000 đồng + 29,946,000 đồng = 131,946,000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/9/2024 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 trên số tiền chưa thanh toán.

[4] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như không gửi chứng cứ, tài liệu nào phản đối yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V nên chứng cứ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V giao nộp cho tòa án là chứng cứ không phải chứng minh.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng: các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

[6. 1] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6. 2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

1. 1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V các khoản sau đây của hợp đồng mua bán số VSL202109-15 ngày 27/9/2021:

- Nợ gốc: 102,000,000 (một trăm lẻ hai triệu) đồng.

- Tiền lãi tính đến ngày 27/9/2024: 29,946,000 (hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

1. 2. Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí sơ thẩm:

2. 1. Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Sản xuất V số tiền 3,471,616 (ba triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm mười sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012399 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. 2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất Thương mại Đ phải chịu 6,597,300 (sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên